

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán dịch vụ sự nghiệp công công tác quản lý, bảo
dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.546, ĐT.547, ĐT.548,
ĐT.550, ĐT.551, ĐT.552, ĐT.553, ĐT.554, ĐT.555 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính
quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày
18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày
17/6/2020; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo
trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí
đầu tư xây dựng; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 quy định giao nhiệm vụ,
đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà
nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024
quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ; số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách giảm thuế
giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc
hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số
41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về quản lý, khai thác và bảo
trì công trình đường bộ; số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 hướng dẫn
phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công
quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành
khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi
thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;
số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 ban hành định mức quản lý, bảo
dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2024 của Bộ Khoa học
và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14182:2024 Bảo dưỡng
thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 25/2023/QĐ-UBND ngày
24/5/2023 ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao

thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 1984/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phân cấp hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 21/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải; số 2959/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; số 2960/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 239/TTr-SGTVT ngày 23/01/2025 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 227/SGTVT-QLCL ngày 23/01/2025 của Sở Giao thông vận tải và các hồ sơ liên quan); ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh thông qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán dịch vụ sự nghiệp công công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.546, ĐT.547, ĐT.548, ĐT.550, ĐT.551, ĐT.552, ĐT.553, ĐT.554, ĐT.555 năm 2025 với những nội dung sau:

1. Tên sản phẩm dịch vụ: Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.546, ĐT.547, ĐT.548, ĐT.550, ĐT.551, ĐT.552, ĐT.553, ĐT.554, ĐT.555 năm 2025.

2. Cơ quan quản lý: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

3. Đơn vị lập hồ sơ dự toán: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

4. Mục tiêu: Quản lý, bảo dưỡng, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đảm bảo an toàn giao thông và bền vững kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh theo quy định hiện hành, phù hợp với các chi phí được duyệt.

5. Phạm vi thực hiện: Trong phạm vi nền, mặt đường và hành lang an toàn đường bộ.

6. Các nội dung chính trong quản lý, bảo dưỡng thường xuyên:

6.1. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường và cầu có chiều dài $L < 25m$, gồm các hạng mục công việc:

a) Công tác quản lý: Tuàn đường; đếm xe; kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường, tình hình bão lũ; trực bão lũ; quản lý hành lang an toàn đường bộ, đấu nối và một số công việc khác.

b) Công tác bảo dưỡng thường xuyên: Vệ sinh mặt đường, mặt biển báo, dải phân cách, hộ lan tôn sóng, mắt phản quang trên hộ lan tôn sóng; nắn sửa cọc tiêu, cột đỡ biển báo, cột thủy chí, cọc H, cột Km, cọc MLG; hót sứt nhỏ; cắt cỏ; phát quang cây cối; vét rãnh hở; vét rãnh kín; thông thoát cống, thanh thải dòng chảy; láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc; vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ; kê bù mặt đường, xử lý sinh lún cao su mặt đường; bạt lề đường; đắp phụ lề đường; thay thế tấm nắp đậy rãnh dọc,

hồ thu; sửa chữa rãnh bằng đá hộc xây; thay thế, bổ sung hệ thống ATGT: cọc tiêu, biển báo, cột đỡ biển báo, cột thủy chí, cọc H, cột Km, cọc MLG, sơn vạch kẻ đường; quét sơn, vôi hệ thống ATGT và một số công việc khác.

6.2. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên cầu có chiều dài $L \geq 25m$ gồm các hạng mục công việc:

a) Công tác quản lý: Kiểm tra cầu; kiểm tra cầu trước và sau mùa mưa bão; cập nhật tình trạng cầu; quản lý hồ sơ và một số công tác khác.

b) Công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu: Vệ sinh lan can; vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước; vệ sinh khe co giãn; vệ sinh mố cầu; phát quang cây cỏ xung quanh mố; quét sơn vôi lan can tay vịn, gờ chắn bánh cầu; thanh thải dòng chảy dưới cầu và một số công việc khác.

6.3. Các đoạn trong thời gian có dự án xây dựng cơ bản, dự án sửa chữa, thời gian bảo hành sẽ được giảm trừ khối lượng không cần thực hiện để tránh trùng nhiệm vụ và tiết kiệm kinh phí. Quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thời gian thực hiện các dự án sửa chữa, xây dựng cơ bản, bảo hành khác với dự toán được duyệt hoặc bổ sung đoạn tuyến, công trình mới vào hợp đồng, chỉnh tuyến thì được điều chỉnh giá trị hợp đồng trên cơ sở đơn giá trúng thầu và các quy định hiện hành.

7. Khối lượng công việc chính:

7.1. Tuyến ĐT.546 (Km0+00 - Km19+700): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 17,3km (đã trừ 2,3km trùng với QL.8B không thực hiện), gồm: 14,37km mặt đường bê tông nhựa và 2,93km mặt đường láng nhựa.

7.2. Tuyến ĐT.547 (Km0+00 - Km118+930): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 75,19km (đã trừ các đoạn không thực hiện: 3,3km trùng đường đầu cầu Cửa Hội; 5,4km trùng QL.281; 33km trùng QL.15B và các đoạn Km108+250 - Km109+275, Km110+951 - Km111+962 chưa bàn giao), gồm: 74,34km mặt đường bê tông nhựa và 856m/06 cầu có chiều dài $L \geq 25m$.

7.3. Tuyến ĐT.548 (Km0+00 - Km20+370): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 19,40km (đã trừ 0,97km trùng QL.1 không thực hiện), gồm: 19,33km mặt đường bê tông nhựa và 71m/02 cầu có chiều dài $L \geq 25m$.

7.4. Tuyến ĐT.550 (Km0+00 - Km27+600): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 15,20km (đã trừ 6,4km trùng với đường Ngô Quyền, 3,4km trùng QL.1 và 2,6km trùng đường Vũ Quang không thực hiện), gồm: 14,85km mặt đường bê tông nhựa và 346m/05 cầu có chiều dài $L \geq 25m$.

7.5. Tuyến ĐT.551 (Km0+00 - Km44+800): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 44,40km (đã trừ 0,4 trùng với QL.1 không thực hiện), gồm: 11,07km mặt đường bê tông nhựa, 23,50km mặt đường láng nhựa, 9,53km đường BTXM, 178m/06 cầu có chiều dài $L \geq 25m$ và 0,13km từ

Km24+220 - Km24+350 bàn giao cho dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng chỉ thực hiện công tác tuần đường và quản lý hành lang.

7.6. Tuyến ĐT.552 (Km0+00 - Km28+200): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 21,10km (đã trừ 0,4km trùng QL.15, 1,1km trùng QL.8 và 5,6km trùng QL.281 không thực hiện), gồm: 20,37km mặt đường bê tông nhựa và 728m/09 cầu có chiều dài $L \geq 25m$.

7.7. Tuyến ĐT.553 (Km0+00 - Km85+210): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 41,21km (đã trừ 3,6km trùng đường tránh QL.1 đoạn qua TP Hà Tĩnh, 2,4km trùng QL.8C và 38km tuyến chưa thông không thực hiện), gồm: 11,434km mặt đường bê tông nhựa, 22,111km mặt đường láng nhựa, 2,551km mặt đường BTXM và 321m/07 cầu có chiều dài $L \geq 25m$ và 4,793km từ Km55+530 - Km60+430 bàn giao cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lộc Yên - đường Hồ Chí Minh chỉ thực hiện công tác tuần đường và quản lý hành lang.

7.8. Tuyến ĐT.554 (Km0+00 - Km116+250): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 58,45km (đã trừ 0,5km trùng QL.281, 23,5km trùng QL.8C và 33,8km tuyến chưa thông không thực hiện), gồm: 11,05km mặt đường bê tông nhựa, 27,32km mặt đường láng nhựa, 19,74km mặt đường BTXM và 339m/09 cầu có chiều dài $L \geq 25m$.

7.9. Tuyến ĐT.555 (Km0+00 - Km24+850): Tổng chiều dài công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên 22,95km (đã trừ 1,9km trùng QL.1), gồm: 6,6km mặt đường bê tông nhựa, 8,17km mặt đường láng nhựa, 7,82km mặt đường BTXM và 165m/02 cầu có chiều dài $L \geq 25m$ và 0,2km từ Km17+150 - Km17+350 bàn giao cho dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn Vũng Áng - Bùng chỉ thực hiện công tác tuần đường và quản lý hành lang.

8. Tổng dự toán: 10.807.855.000 đồng

(Mười tỷ, tám trăm linh bảy triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Hình thức quản lý, giám sát và nghiệm thu: Cơ quan quản lý tự thực hiện.

10. Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 (dự kiến từ 01/4/2025 đến 31/12/2025).

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.546, ĐT.547, ĐT.548, ĐT.550, ĐT.551, ĐT.552, ĐT.553, ĐT.554, ĐT.555 năm 2025 *(đã được bố trí 10.808 triệu đồng tại Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo bảo đảm tiến độ, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ tình hình thực tế về hiện trạng các tuyến đường tỉnh, biến động giá vật tư, nhân công, máy thi công và thời gian thực hiện hợp đồng, giao Sở Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng, dự toán, cập nhập giá gói thầu đảm bảo phù hợp thời gian thực hiện hợp đồng, tuân thủ đúng quy định hiện hành, không được gây thất thoát, lãng phí, không làm vượt tổng dự toán được phê duyệt.

- Sở Giao thông vận tải (cơ quan được giao làm Chủ đầu tư, đồng thời thực hiện vai trò quản lý nhà nước về thẩm định dự toán) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, sự tuân thủ các quy định của pháp luật về khối lượng, đơn giá trong dự toán thẩm định, nội dung báo cáo, đề xuất tại các Tờ trình, Báo cáo nêu trên và toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP theo dõi lĩnh vực;
- Trung tâm CB-TH tin học tỉnh;
- Lưu: VT, GT₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bái Hà

BẢNG TỔNG HỢP

Dự toán dịch vụ sự nghiệp công công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.546, ĐT.547, ĐT.548, ĐT.550, ĐT.551, ĐT.552, ĐT.553, ĐT.554, ĐT.555 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Hạng mục	Chiều dài tuyến quản lý		Tổng cộng
1	Đường tỉnh 546	17,30	km	498.220.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	17,30	km	498.220.000
2	Đường tỉnh 547	75,19	km	1.963.349.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	74,34	km	1.777.324.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	855,90	m	186.025.000
3	Đường tỉnh 548	19,40	km	695.928.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	19,33	km	678.979.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	70,60	m	16.949.000
4	Đường tỉnh 550	15,20	km	1.474.023.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	14,85	km	1.387.588.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	346,26	m	86.435.000
5	Đường tỉnh 551	44,40	km	1.393.010.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	44,22	km	1.346.985.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	178,00	m	46.025.000
6	Đường tỉnh 552	21,10	km	750.510.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	20,37	km	615.986.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	728,00	m	134.524.000
7	Đường tỉnh 553	41,21	km	1.180.252.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	40,89	km	1.103.107.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	321,20	m	77.145.000
8	Đường tỉnh 554	58,45	km	2.183.395.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	58,11	km	2.109.739.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	338,95	m	73.656.000
9	Đường tỉnh 555	22,95	km	669.168.000
-	Công tác QL và BDTX đường và cống, cầu <25M	22,79	km	636.337.000
-	Công tác QL và BDTX cầu 25m< L<300m	165,00	m	32.831.000
	TỔNG CỘNG	315,20	Km	10.807.855.000

(Mười tỷ, tám trăm linh bảy triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)